

“ÁN – Bát đầu mâu nạp bàn phộc dã Sa phộc hạ ”

ॐ पञ्चकवचम् सूक्तम्

OM PADMA UDBHAVÀYA - SVÀHÀ

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG TAM MUỘI GIA ĐÀ LA NI ẤN.

Đàn Trí (ngón út trái, ngón cái phải) và Thiền Tuệ (ngón cái trái, ngón út phải) lật ngược che nhau và cùng móc nhau. (ND: ngửa bàn tay phải, úp bàn tay trái rồi đặt lưng bàn tay phải đè trên lưng bàn tay trái). Bắt đầu kết ở ngay trái tim. Diệu ngôn đặt ở trên lỗ tai trái. Nói Mật ngôn ba lần xong thì bung ấn trên Luân Đỉnh (bên trái đỉnh đầu). Mật ngôn là:

“ÁN – Ma nhập lỗ nạp bàn phộc dã Sa phộc hạ ”

ॐ वज्रकवचम् सूक्तम्

OM VAJRA UDBHAVÀYA - SVÀHÀ.

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG HỘ THÂN ĐÀ LA NI ẤN.

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên trong. Dựng 2 độ Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) như cây Phương, co Tiến Lực (2 ngón trỏ) cách lưng của Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) 3 phân như hình móc câu. Chân ngôn là:

“ÁN – Phộc nhật la nghĩ nễ bát la niệm phát đá già Sa phộc hạ ”

ॐ वज्र मयि चरिष्ये सूक्तम्

OM VAJRA AGNI PRADÌPTÀYA SVÀHÀ

_ KIM CƯƠNG HỎA ĐIỂM ĐỊA GIỚI ĐÀ LA NI ẤN.

Đặt độ Nhẫn (ngón giữa trái) vào khoảng giữa của độ Lực (ngón trỏ phải) và độ Nguyệt (ngón giữa phải). Đặt độ Giới (ngón vô danh trái) vào khoảng giữa của độ Tuệ (ngón út phải) và độ Phương (ngón vô danh phải). Đưa độ Nguyệt (ngón giữa phải) từ trên lưng vào khoảng giữa độ Tiến (ngón trỏ trái) và độ Nhẫn (ngón giữa trái). Đặt phương Tiệm (ngón vô danh phải) vào khoảng giữa độ Đàn (ngón út trái) và độ Giới (ngón vô danh trái). Đàn Tuệ (2 ngón út) Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiền Trí (2 ngón cái) chống xuống đất như đóng xỏ. Đọc Chân ngôn ba biến, tưởng như cái chày ĐỘC CỔ KIM CƯƠNG bốc lửa thấu suốt bốn bờ Kim Cương (KIM CƯƠNG TẾ). Mật ngôn là:

“ÁN – Chỉ lị chỉ lị phộc nhật la ma nhật lộ luật mãn đà mãn đà Hồng phát tra ”

ॐ किलि किलि वज्र वज्र सु वध वध हूँ हूँ

OM KILI KILI VAJRA VAJRI BHÜR BANDHA BANDHA HÙM PHAT

_ KIM CƯƠNG HỎA THÀNH PHI ĐIỂM ĐIỆN GIAN VIỆN GIỚI CHÂN NGÔN ẤN.

Dựa vào Địa ấn lúc trước. Buông mở Thiền Trí (2 ngón cái) chuyển bên phải 8 phương, đọc Chân ngôn 3 biến, xa gần tùy ý. Mật ngôn là:

“ÁN – Tát la tát la ma nhật la bát la ca la Hồng phát tra ”

ॐ मी मी वज्र चक्रि हूँ हूँ

OM SARA SARA VAJRA PRAKARA HÙM PHAT

_ NHẤT THIẾT KIM CƯƠNG HỎA ĐIỂM VÕNG GIỚI CHÂN NGÔN ẤN.

Cũng dựa theo Địa ấn lúc trước. Buông mở dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) che trên đỉnh đầu, đưa qua đưa lại 3 lần, tụng Chân ngôn 3 biến. Tưởng trên cái lưới rực lửa của Kim Cương đến ở đỉnh đầu. Mật ngôn là:

“ÁN – Vĩ tát phổ la nại, lạc khất sái bạc nhật la bán nhạ la Hồng phát tra”

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

OM - VISPHURAD RAKṢA VAJRA PAMJALA HÙM PHAT

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG ĐIỂM HỎA GIỚI ẤN.

Liên đem Định Tuệ (2 tay) cùng dính cạnh bàn tay. Dựng thẳng Thiên Trí (2 ngón cái) cách nhau 3 thốn, xong theo bên phải trên đỉnh đầu. Tưởng bên ngoài tường lửa ấy rựa lửa bên trên đến ở đỉnh đầu. Mật ngôn là:

“ÁN – A Tam mang nghi nễ Sa phộc hạ”

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

OM ASAMAMGNI SVÀHÀ

Trước kết giới này thì MA LA (MARA = Ma chương) của 6 Dục với tất cả Tỳ Na Dạ Ca sợ hãi bỏ chạy, không có nơi để trốn nấp.

_ Tiếp, kết QUÁN ÂM BẢO XA ẤN.

Liên ngửa 2 bàn tay cùng cài nhau, chuyển đem Thiên Trí (2 ngón cái), hướng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) vào bên trong bật 3 lần, tụng Chân ngôn. Tưởng niệm Bản Tôn tùy nguyện đến đi vào bên trong. Niệm xong thì **bọt nổi huyền hóa** trong MẬT TÂM dừng đứng chẳng hiện. Mật Ngôn là:

“ÁN – Đô lô đô lô Hồng”

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

OM TURU TURU HÙM

_ Tiếp, kết ĐẠI LIÊN HOA ẤN.

Liên đem 2 tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trỏ) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng dính đầu ngón. Thiên (ngón cái trái) Nguyệt (ngón giữa phải) Trí (ngón cái phải) Nhẫn (ngón giữa trái) đều dính nhau. Hoa sen trắng 8 cánh nở 1 khuỷu tay được đặt trên cái xe, tụng Mật ngôn 3 lần. Minh là:

“ÁN – Đô lô đô lô Hồng”

ॐ (ॐ) (ॐ) (ॐ) (ॐ)

OM TURU TURU HÙM

_ Tiếp, kết BÁT ĐẠI LIÊN HOA ẤN.

Đặt 2 cổ tay dính nhau, Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp đầu ngón rồi ngửa cứng. Tưởng như 6 độ (6 ngón tay còn lại) của hoa sen cùng lia nhau, hơi co 8 cánh sen. Mật ngôn là:

“ÁN – Kiểm mang la Sa phộc hạ”

ॐ कमल स्वहा

OM KAMALA SVÀHÀ

_ Tiếp, nói về Du Già. Kết BÍ TAM MUỘI GIA ẤN.

Buộc kiên cố. Đem Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp nhau dựng cứng. Đây là cảnh giác, tụng Mật ngôn là:

“ÁN – Bạt chiết la bát ná ma tam ma gia tát đát phộc”

ॐ वज्र पद्म समय ष्ट

OM VAJRA PADMA SAMAYA STVAM

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT CHƯ PHẬT NHƯ LAI AN LẠC HOAN HỖ DUYỆT Ý TAM MUỘI GIA ẤN.

10 ngón tay buộc bền chắc. Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) hợp nhau. Đàn Tuệ (2 ngón út) Thiên Trí (2 ngón cái) cùng hợp dựng. Chân ngôn là:

“ÁN – Tam ma gia Hô tô la đà tát đát noan”

ॐ समय ज्ञः श्रुत ष्ट

OM SAMAYA HOH SURATA STVAM

_ Tiếp, kết KHAI TÂM ẤN.

Nhập vào chữ của TRÍ KIM CUÔNG, quán trên 2 cái vú: bên phải là chữ ĐÁT LA (𑖀-TRA) bên trái là chữ TRA (𑖂-Ṭ) như cánh cửa của cung thất. Ba nghiệp Kim Cương Thù Thắng đồng thời phát kéo trái tim mở 2 chữ. Mật ngôn là:

“ÁN – Bạt nhật la mãn đà đát tra la”

ॐ वज्रवर्ष १८

† OM VAJRA BANDHA TRAT

Từ vô thủy đã huân tập chúng tử tạo nên mọi trần lao. Nay dùng TRIỆU TỘI ẤN gom chứa lại mà đập nát.

10 ngón tay buộc bền chắc. Dựng thẳng Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như cây kim. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) như móc câu. Câu tưởng triệu các tội, tưởng hình dạng của mọi tội ấy như hình luân tóc dựng. Ngược ẤN SẮC ở trái tim, va chạm xong tụng Mật ngôn. Vì 3 nghiệp tương ứng cho nên hay triệu các vết tích của Tội. Tụng TRIỆU TẬP này xong mới làm Pháp TÔI PHÁ (đập nát). Mật ngôn là:

“ÁN – Tát bà bá ba ca li sái noa, vĩ thâu đà ná Tam ma gia bạt nhật la hồng nhạ”

ॐ सर्व पापकार्शण विसोदधान समय वज्र हुं ष्ट

OM SARVA PÀPA AKARṢAṆA VI'SODHANA SAMAYA - VAJRA HÙM JAH

Hai tay buộc bền chắc
 Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào trong
 Đem hai độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Dính nhau như cái vòng
 Quán sen tám cánh trước
 Trên đó đặt chữ BÀ (𑖀- A)
 Vì ba điểm nghiêm sức
 Chữ Diệu mới là ÁC (𑖀- AH)
 Màu trắng như kha tuyết
 Phóng tỏa ngàn ánh sáng
 Tưởng dùng độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Niệm chữ an trong tim
 Ba nghiệp cùng vận dụng
 Tụng Mật ngôn này:
“ÁN – Bạt chiết la phệ xả ÁC”
 ॐ 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀
 OM VAJRA VE'SA AH (?OM VAJRA AVI'SA AH)

Đã tưởng vào trong tim
 Tự tưởng như quang diệu
 Đây tức PHÁP GIỚI THỂ
 Hành giả nên quán đấy
 Chẳng lâu ngộ tịch tĩnh
 Pháp vốn chẳng hề sinh
 Chư Như Lai ba đời
 Thân, Khẩu, Ý Kim Cương
 Đều dùng phương tiện khéo
 Giữ tại Kim Cương quyền
 Dùng dây đóng cửa tâm
 Chữ Trí được bền chắc
 Liền co độ Tiến Lực (2 ngón trỏ)
 Trụ ở lưng Thiên Trí (2 ngón cái)
 Đem Ấn chạm ngực xong
 Liền tụng Diệu ngôn này
“ÁN – Bạt nhật la mẫu sát trí Hàm”
 ॐ 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀
 OM VAJRA MUṢṬI VAM

_ Tiếp, kết TỊCH TRỪ KẾT GIỚI ẤN

Liền đem 2 tay đặt ngay trái tim khiến Giới Phương (2 ngón vô danh) cùng cài chéo nhau bên ngoài, bên phải đè bên trái. Dựng 2 độ Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như

cây Phương. Tiếp, đem Tiến Lực (2 ngón trỏ) móc Giới Phương (2 ngón vô danh). Thiền Trí (2 ngón cái) Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng vịn nhau. Chân ngôn là:”

“ÁN – A mật lật đồ ná bà phộc Hồng phát tra”

ॐ 𑖀𑖄𑖅𑖆𑖇𑖈𑖉𑖊𑖋𑖌𑖍𑖎𑖏𑖐𑖑𑖒𑖓𑖔𑖕𑖖𑖗𑖘𑖙𑖚𑖛𑖜𑖝𑖞𑖟𑖠𑖡𑖢𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑗀𑖿𑗁𑗂𑗃𑗄𑗅𑗆𑗇𑗈𑗉𑗊𑗋𑗌𑗍𑗎𑗏𑗐𑗑𑗒𑗓𑗔𑗕𑗖𑗗𑗘𑗙𑗚𑗛𑗜𑗝𑗞𑗟𑗠𑗡𑗢𑗣𑗤𑗥𑗦𑗧𑗨𑗩𑗪𑗫𑗬𑗭𑗮𑗯𑗰𑗱𑗲𑗳𑗴𑗵𑗶𑗷𑗸𑗹𑗺𑗻𑗼𑗽𑗾𑗿𑘀𑘁𑘂𑘃𑘄𑘅𑘆𑘇𑘈𑘉𑘊𑘋𑘌𑘍𑘎𑘏𑘐𑘑𑘒𑘓𑘔𑘕𑘖𑘗𑘘𑘙𑘚𑘛𑘜𑘝𑘞𑘟𑘠𑘡𑘢𑘣𑘤𑘥𑘦𑘧𑘨𑘩𑘪𑘫𑘬𑘭𑘮𑘯𑘰𑘱𑘲𑘳𑘴𑘵𑘶𑘷𑘸𑘹𑘺𑘻𑘼𑘽𑘾𑘿𑙀𑙁𑙂𑙃𑙄𑙅𑙆𑙇𑙈𑙉𑙊𑙋𑙌𑙍𑙎𑙏𑙐𑙑𑙒𑙓𑙔𑙕𑙖𑙗𑙘𑙙𑙚𑙛𑙜𑙝𑙞𑙟𑙠𑙡𑙢𑙣𑙤𑙥𑙦𑙧𑙨𑙩𑙪𑙫𑙬𑙭𑙮𑙯𑙰𑙱𑙲𑙳𑙴𑙵𑙶𑙷𑙸𑙹𑙺𑙻𑙼𑙽𑙾𑙿𑚀𑚁𑚂𑚃𑚄𑚅𑚆𑚇𑚈𑚉𑚊𑚋𑚌𑚍𑚎𑚏𑚐𑚑𑚒𑚓𑚔𑚕𑚖𑚗𑚘𑚙𑚚𑚛𑚜𑚝𑚞𑚟𑚠𑚡𑚢𑚣𑚤𑚥𑚦𑚧𑚨𑚩𑚪𑚫𑚬𑚭𑚮𑚯𑚰𑚱𑚲𑚳𑚴𑚵𑚷𑚶𑚸𑚹𑚺𑚻𑚼𑚽𑚾𑚿𑛀𑛁𑛂𑛃𑛄𑛅𑛆𑛇𑛈𑛉𑛊𑛋𑛌𑛍𑛎𑛏𑛐𑛑𑛒𑛓𑛔𑛕𑛖𑛗𑛘𑛙𑛚𑛛𑛜𑛝𑛞𑛟𑛠𑛡𑛢𑛣𑛤𑛥𑛦𑛧𑛨𑛩𑛪𑛫𑛬𑛭𑛮𑛯𑛰𑛱𑛲𑛳𑛴𑛵𑛶𑛷𑛸𑛹𑛺𑛻𑛼𑛽𑛾𑛿𑜀𑜁𑜂𑜃𑜄𑜅𑜆𑜇𑜈𑜉𑜊𑜋𑜌𑜍𑜎𑜏𑜐𑜑𑜒𑜓𑜔𑜕𑜖𑜗𑜘𑜙𑜚𑜛𑜜𑜝𑜞𑜟𑜠𑜡𑜢𑜣𑜤𑜥𑜦𑜧𑜨𑜩𑜪𑜫𑜬𑜭𑜮𑜯𑜰𑜱𑜲𑜳𑜴𑜵𑜶𑜷𑜸𑜹𑜺𑜻𑜼𑜽𑜾𑜿𑝀𑝁𑝂𑝃𑝄𑝅𑝆𑝇𑝈𑝉𑝊𑝋𑝌𑝍𑝎𑝏𑝐𑝑𑝒𑝓𑝔𑝕𑝖𑝗𑝘𑝙𑝚𑝛𑝜𑝝𑝞𑝟𑝠𑝡𑝢𑝣𑝤𑝥𑝦𑝧𑝨𑝩𑝪𑝫𑝬𑝭𑝮𑝯𑝰𑝱𑝲𑝳𑝴𑝵𑝶𑝷𑝸𑝹𑝺𑝻𑝼𑝽𑝾𑝿𑞀𑞁𑞂𑞃𑞄𑞅𑞆𑞇𑞈𑞉𑞊𑞋𑞌𑞍𑞎𑞏𑞐𑞑𑞒𑞓𑞔𑞕𑞖𑞗𑞘𑞙𑞚𑞛𑞜𑞝𑞞𑞟𑞠𑞡𑞢𑞣𑞤𑞥𑞦𑞧𑞨𑞩𑞪𑞫𑞬𑞭𑞮𑞯𑞰𑞱𑞲𑞳𑞴𑞵𑞶𑞷𑞸𑞹𑞺𑞻𑞼𑞽𑞾𑞿𑟀𑟁𑟂𑟃𑟄𑟅𑟆𑟇𑟈𑟉𑟊𑟋𑟌𑟍𑟎𑟏𑟐𑟑𑟒𑟓𑟔𑟕𑟖𑟗𑟘𑟙𑟚𑟛𑟜𑟝𑟞𑟟𑟠𑟡𑟢𑟣𑟤𑟥𑟦𑟧𑟨𑟩𑟪𑟫𑟬𑟭𑟮𑟯𑟰𑟱𑟲𑟳𑟴𑟵𑟶𑟷𑟸𑟹𑟺𑟻𑟼𑟽𑟾𑟿𑠀𑠁𑠂𑠃𑠄𑠅𑠆𑠇𑠈𑠉𑠊𑠋𑠌𑠍𑠎𑠏𑠐𑠑𑠒𑠓𑠔𑠕𑠖𑠗𑠘𑠙𑠚𑠛𑠜𑠝𑠞𑠟𑠠𑠡𑠢𑠣𑠤𑠥𑠦𑠧𑠨𑠩𑠪𑠫𑠬𑠭𑠮𑠯𑠰𑠱𑠲𑠳𑠴𑠵𑠶𑠷𑠸𑠺𑠹𑠻𑠼𑠽𑠾𑠿𑡀𑡁𑡂𑡃𑡄𑡅𑡆𑡇𑡈𑡉𑡊𑡋𑡌𑡍𑡎𑡏𑡐𑡑𑡒𑡓𑡔𑡕𑡖𑡗𑡘𑡙𑡚𑡛𑡜𑡝𑡞𑡟𑡠𑡡𑡢𑡣𑡤𑡥𑡦𑡧𑡨𑡩𑡪𑡫𑡬𑡭𑡮𑡯𑡰𑡱𑡲𑡳𑡴𑡵𑡶𑡷𑡸𑡹𑡺𑡻𑡼𑡽𑡾𑡿𑢀𑢁𑢂𑢃𑢄𑢅𑢆𑢇𑢈𑢉𑢊𑢋𑢌𑢍𑢎𑢏𑢐𑢑𑢒𑢓𑢔𑢕𑢖𑢗𑢘𑢙𑢚𑢛𑢜𑢝𑢞𑢟𑢠𑢡𑢢𑢣𑢤𑢥𑢦𑢧𑢨𑢩𑢪𑢫𑢬𑢭𑢮𑢯𑢰𑢱𑢲𑢳𑢴𑢵𑢶𑢷𑢸𑢹𑢺𑢻𑢼𑢽𑢾𑢿𑣀𑣁𑣂𑣃𑣄𑣅𑣆𑣇𑣈𑣉𑣊𑣋𑣌𑣍𑣎𑣏𑣐𑣑𑣒𑣓𑣔𑣕𑣖𑣗𑣘𑣙𑣚𑣛𑣜𑣝𑣞𑣟𑣠𑣡𑣢𑣣𑣤𑣥𑣦𑣧𑣨𑣩𑣪𑣫𑣬𑣭𑣮𑣯𑣰𑣱𑣲𑣳𑣴𑣵𑣶𑣷𑣸𑣹𑣺𑣻𑣼𑣽𑣾𑣿𑤀𑤁𑤂𑤃𑤄𑤅𑤆𑤇𑤈𑤉𑤊𑤋𑤌𑤍𑤎𑤏𑤐𑤑𑤒𑤓𑤔𑤕𑤖𑤗𑤘𑤙𑤚𑤛𑤜𑤝𑤞𑤟𑤠𑤡𑤢𑤣𑤤𑤥𑤦𑤧𑤨𑤩𑤪𑤫𑤬𑤭𑤮𑤯𑤰𑤱𑤲𑤳𑤴𑤵𑤶𑤷𑤸𑤹𑤺𑤻𑤼𑤽𑤾𑤿𑥀𑥁𑥂𑥃𑥄𑥅𑥆𑥇𑥈𑥉𑥊𑥋𑥌𑥍𑥎𑥏𑥐𑥑𑥒𑥓𑥔𑥕𑥖𑥗𑥘𑥙𑥚𑥛𑥜𑥝𑥞𑥟𑥠𑥡𑥢𑥣𑥤𑥥𑥦𑥧𑥨𑥩𑥪𑥫𑥬𑥭𑥮𑥯𑥰𑥱𑥲𑥳𑥴𑥵𑥶𑥷𑥸𑥹𑥺𑥻𑥼𑥽𑥾𑥿𑦀𑦁𑦂𑦃𑦄𑦅𑦆𑦇𑦈𑦉𑦊𑦋𑦌𑦍𑦎𑦏𑦐𑦑𑦒𑦓𑦔𑦕𑦖𑦗𑦘𑦙𑦚𑦛𑦜𑦝𑦞𑦟𑦠𑦡𑦢𑦣𑦤𑦥𑦦𑦧𑦨𑦩𑦪𑦫𑦬𑦭𑦮𑦯𑦰𑦱𑦲𑦳𑦴𑦵𑦶𑦷𑦸𑦹𑦺𑦻𑦼𑦽𑦾𑦿𑧀𑧁𑧂𑧃𑧄𑧅𑧆𑧇𑧈𑧉𑧊𑧋𑧌𑧍𑧎𑧏𑧐𑧑𑧒𑧓𑧔𑧕𑧖𑧗𑧘𑧙𑧚𑧛𑧜𑧝𑧞𑧟𑧠𑧡𑧢𑧣𑧤𑧥𑧦𑧧𑧨𑧩𑧪𑧫𑧬𑧭𑧮𑧯𑧰𑧱𑧲𑧳𑧴𑧵𑧶𑧷𑧸𑧹𑧺𑧻𑧼𑧽𑧾𑧿𑨀𑨁𑨂𑨃𑨄𑨅𑨆𑨇𑨈𑨉𑨊𑨋𑨌𑨍𑨎𑨏𑨐𑨑𑨒𑨓𑨔𑨕𑨖𑨗𑨘𑨙𑨚𑨛𑨜𑨝𑨞𑨟𑨠𑨡𑨢𑨣𑨤𑨥𑨦𑨧𑨨𑨩𑨪𑨫𑨬𑨭𑨮𑨯𑨰𑨱𑨲𑨳𑨴𑨵𑨶𑨷𑨸𑨹𑨺𑨻𑨼𑨽𑨾𑨿𑩀𑩁𑩂𑩃𑩄𑩅𑩆𑩇𑩈𑩉𑩊𑩋𑩌𑩍𑩎𑩏𑩐𑩑𑩒𑩓𑩔𑩕𑩖𑩗𑩘𑩙𑩚𑩛𑩜𑩝𑩞𑩟𑩠𑩡𑩢𑩣𑩤𑩥𑩦𑩧𑩨𑩩𑩪𑩫𑩬𑩭𑩮𑩯𑩰𑩱𑩲𑩳𑩴𑩵𑩶𑩷𑩸𑩹𑩺𑩻𑩼𑩽𑩾𑩿𑪀𑪁𑪂𑪃𑪄𑪅𑪆𑪇𑪈𑪉𑪊𑪋𑪌𑪍𑪎𑪏𑪐𑪑𑪒𑪓𑪔𑪕𑪖𑪗𑪘𑪙𑪚𑪛𑪜𑪝𑪞𑪟𑪠𑪡𑪢𑪣𑪤𑪥𑪦𑪧𑪨𑪩𑪪𑪫𑪬𑪭𑪮𑪯𑪰𑪱𑪲𑪳𑪴𑪵𑪶𑪷𑪸𑪹𑪺𑪻𑪼𑪽𑪾𑪿𑫀𑫁𑫂𑫃𑫄𑫅𑫆𑫇𑫈𑫉𑫊𑫋𑫌𑫍𑫎𑫏𑫐𑫑𑫒𑫓𑫔𑫕𑫖𑫗𑫘𑫙𑫚𑫛𑫜𑫝𑫞𑫟𑫠𑫡𑫢𑫣𑫤𑫥𑫦𑫧𑫨𑫩𑫪𑫫𑫬𑫭𑫮𑫯𑫰𑫱𑫲𑫳𑫴𑫵𑫶𑫷𑫸𑫹𑫺𑫻𑫼𑫽𑫾𑫿𑬀𑬁𑬂𑬃𑬄𑬅𑬆𑬇𑬈𑬉𑬊𑬋𑬌𑬍𑬎𑬏𑬐𑬑𑬒𑬓𑬔𑬕𑬖𑬗𑬘𑬙𑬚𑬛𑬜𑬝𑬞𑬟𑬠𑬡𑬢𑬣𑬤𑬥𑬦𑬧𑬨𑬩𑬪𑬫𑬬𑬭𑬮𑬯𑬰𑬱𑬲𑬳𑬴𑬵𑬶𑬷𑬸𑬹𑬺𑬻𑬼𑬽𑬾𑬿𑭀𑭁𑭂𑭃𑭄𑭅𑭆𑭇𑭈𑭉𑭊𑭋𑭌𑭍𑭎𑭏𑭐𑭑𑭒𑭓𑭔𑭕𑭖𑭗𑭘𑭙𑭚𑭛𑭜𑭝𑭞𑭟𑭠𑭡𑭢𑭣𑭤𑭥𑭦𑭧𑭨𑭩𑭪𑭫𑭬𑭭𑭮𑭯𑭰𑭱𑭲𑭳𑭴𑭵𑭶𑭷𑭸𑭹𑭺𑭻𑭼𑭽𑭾𑭿𑮀𑮁𑮂𑮃𑮄𑮅𑮆𑮇𑮈𑮉𑮊𑮋𑮌𑮍𑮎𑮏𑮐𑮑𑮒𑮓𑮔𑮕𑮖𑮗𑮘𑮙𑮚𑮛𑮜𑮝𑮞𑮟𑮠𑮡𑮢𑮣𑮤𑮥𑮦𑮧𑮨𑮩𑮪𑮫𑮬𑮭𑮮𑮯𑮰𑮱𑮲𑮳𑮴𑮵𑮶𑮷𑮸𑮹𑮺𑮻𑮼𑮽𑮾𑮿𑯀𑯁𑯂𑯃𑯄𑯅𑯆𑯇𑯈𑯉𑯊𑯋𑯌𑯍𑯎𑯏𑯐𑯑𑯒𑯓𑯔𑯕𑯖𑯗𑯘𑯙𑯚𑯛𑯜𑯝𑯞𑯟𑯠𑯡𑯢𑯣𑯤𑯥𑯦𑯧𑯨𑯩𑯪𑯫𑯬𑯭𑯮𑯯𑯰𑯱𑯲𑯳𑯴𑯵𑯶𑯷𑯸𑯹𑯺𑯻𑯼𑯽𑯾𑯿𑰀𑰁𑰂𑰃𑰄𑰅𑰆𑰇𑰈𑰉𑰊𑰋𑰌𑰍𑰎𑰏𑰐𑰑𑰒𑰓𑰔𑰕𑰖𑰗𑰘𑰙𑰚𑰛𑰜𑰝𑰞𑰟𑰠𑰡𑰢𑰣𑰤𑰥𑰦𑰧𑰨𑰩𑰪𑰫𑰬𑰭𑰮𑰯𑰰𑰱𑰲𑰳𑰴𑰵𑰶𑰷𑰸𑰹𑰺𑰻𑰼𑰽𑰾𑰿𑱀𑱁𑱂𑱃𑱄𑱅𑱆𑱇𑱈𑱉𑱊𑱋𑱌𑱍𑱎𑱏𑱐𑱑𑱒𑱓𑱔𑱕𑱖𑱗𑱘𑱙𑱚𑱛𑱜𑱝𑱞𑱟𑱠𑱡𑱢𑱣𑱤𑱥𑱦𑱧𑱨𑱩𑱪𑱫𑱬𑱭𑱮𑱯𑱰𑱱𑱲𑱳𑱴𑱵𑱶𑱷𑱸𑱹𑱺𑱻𑱼𑱽𑱾𑱿𑲀𑲁𑲂𑲃𑲄𑲅𑲆𑲇𑲈𑲉𑲊𑲋𑲌𑲍𑲎𑲏𑲐𑲑𑲒𑲓𑲔𑲕𑲖𑲗𑲘𑲙𑲚𑲛𑲜𑲝𑲞𑲟𑲠𑲡𑲢𑲣𑲤𑲥𑲦𑲧𑲨𑲩𑲪𑲫𑲬𑲭𑲮𑲯𑲰𑲱𑲲𑲳𑲴𑲵𑲶𑲷𑲸𑲹𑲺𑲻𑲼𑲽𑲾𑲿𑳀𑳁𑳂𑳃𑳄𑳅𑳆𑳇𑳈𑳉𑳊𑳋𑳌𑳍𑳎𑳏𑳐𑳑𑳒𑳓𑳔𑳕𑳖𑳗𑳘𑳙𑳚𑳛𑳜𑳝𑳞𑳟𑳠𑳡𑳢𑳣𑳤𑳥𑳦𑳧𑳨𑳩𑳪𑳫𑳬𑳭𑳮𑳯𑳰𑳱𑳲𑳳𑳴𑳵𑳶𑳷𑳸𑳹𑳺𑳻𑳼𑳽𑳾𑳿𑴀𑴁𑴂𑴃𑴄𑴅𑴆𑴇𑴈𑴉𑴊𑴋𑴌𑴍𑴎𑴏𑴐𑴑𑴒𑴓𑴔𑴕𑴖𑴗𑴘𑴙𑴚𑴛𑴜𑴝𑴞𑴟𑴠𑴡𑴢𑴣𑴤𑴥𑴦𑴧𑴨𑴩𑴪𑴫𑴬𑴭𑴮𑴯𑴰𑴱𑴲𑴳𑴴𑴵𑴶𑴷𑴸𑴹𑴺𑴻𑴼𑴽𑴾𑴿𑵀𑵁𑵂𑵃𑵄𑵅𑵆𑵇𑵈𑵉𑵊𑵋𑵌𑵍𑵎𑵏𑵐𑵑𑵒𑵓𑵔𑵕𑵖𑵗𑵘𑵙𑵚𑵛𑵜𑵝𑵞𑵟𑵠𑵡𑵢𑵣𑵤𑵥𑵦𑵧𑵨𑵩𑵪𑵫𑵬𑵭𑵮𑵯𑵰𑵱𑵲𑵳𑵴𑵵𑵶𑵷𑵸𑵹𑵺𑵻𑵼𑵽𑵾𑵿𑶀𑶁𑶂𑶃𑶄𑶅𑶆𑶇𑶈𑶉𑶊𑶋𑶌𑶍𑶎𑶏𑶐𑶑𑶒𑶓𑶔𑶕𑶖𑶗𑶘𑶙𑶚𑶛𑶜𑶝𑶞𑶟𑶠𑶡𑶢𑶣𑶤𑶥𑶦𑶧𑶨𑶩𑶪𑶫𑶬𑶭𑶮𑶯𑶰𑶱𑶲𑶳𑶴𑶵𑶶𑶷𑶸𑶹𑶺𑶻𑶼𑶽𑶾𑶿𑷀𑷁𑷂𑷃𑷄𑷅𑷆𑷇𑷈𑷉𑷊𑷋𑷌𑷍𑷎𑷏𑷐𑷑𑷒𑷓𑷔𑷕𑷖𑷗𑷘𑷙𑷚𑷛𑷜𑷝𑷞𑷟𑷠𑷡𑷢𑷣𑷤𑷥𑷦𑷧𑷨𑷩𑷪𑷫𑷬𑷭𑷮𑷯𑷰𑷱𑷲𑷳𑷴𑷵𑷶𑷷𑷸𑷹𑷺𑷻𑷼𑷽𑷾𑷿𑸀𑸁𑸂𑸃𑸄𑸅𑸆𑸇𑸈𑸉𑸊𑸋𑸌𑸍𑸎𑸏𑸐𑸑𑸒𑸓𑸔𑸕𑸖𑸗𑸘𑸙𑸚𑸛𑸜𑸝𑸞𑸟𑸠𑸡𑸢𑸣𑸤𑸥𑸦𑸧𑸨𑸩𑸪𑸫𑸬𑸭𑸮𑸯𑸰𑸱𑸲𑸳𑸴𑸵𑸶𑸷𑸸𑸹𑸺𑸻𑸼𑸽𑸾𑸿𑹀𑹁𑹂𑹃𑹄𑹅𑹆𑹇𑹈𑹉𑹊𑹋𑹌𑹍𑹎𑹏𑹐𑹑𑹒𑹓𑹔𑹕𑹖𑹗𑹘𑹙𑹚𑹛𑹜𑹝𑹞𑹟𑹠𑹡𑹢𑹣𑹤𑹥𑹦𑹧𑹨𑹩𑹪𑹫𑹬𑹭𑹮𑹯𑹰𑹱𑹲𑹳𑹴𑹵𑹶𑹷𑹸𑹹𑹺𑹻𑹼𑹽𑹾𑹿𑺀𑺁𑺂𑺃𑺄𑺅𑺆𑺇𑺈𑺉𑺊𑺋𑺌𑺍𑺎𑺏𑺐𑺑𑺒𑺓𑺔𑺕𑺖𑺗𑺘𑺙𑺚𑺛𑺜𑺝𑺞𑺟𑺠𑺡𑺢𑺣𑺤𑺥𑺦𑺧𑺨𑺩𑺪𑺫𑺬𑺭𑺮𑺯𑺰𑺱𑺲𑺳𑺴𑺵𑺶𑺷𑺸𑺹𑺺𑺻𑺼𑺽𑺾𑺿𑻀𑻁𑻂𑻃𑻄𑻅𑻆𑻇𑻈𑻉𑻊𑻋𑻌𑻍𑻎𑻏𑻐𑻑𑻒𑻓𑻔𑻕𑻖𑻗𑻘𑻙𑻚𑻛𑻜𑻝𑻞𑻟𑻠𑻡𑻢𑻣𑻤𑻥𑻦𑻧𑻨𑻩𑻪𑻫𑻬𑻭𑻮𑻯𑻰𑻱𑻲𑻳𑻴𑻵𑻶𑻷𑻸𑻹𑻺𑻻𑻼𑻽𑻾𑻿𑼀𑼁𑼂𑼃𑼄𑼅𑼆𑼇𑼈𑼉𑼊𑼋𑼌𑼍𑼎𑼏𑼐𑼑𑼒𑼓𑼔𑼕𑼖𑼗𑼘𑼙𑼚𑼛𑼜𑼝𑼞𑼟𑼠𑼡𑼢𑼣𑼤𑼥𑼦𑼧𑼨𑼩𑼪𑼫𑼬𑼭𑼮𑼯𑼰𑼱𑼲𑼳𑼴𑼵𑼶𑼷𑼸𑼹𑼺𑼻𑼼𑼽𑼾𑼿𑽀𑽁𑽂𑽃𑽄𑽅𑽆𑽇𑽈𑽉𑽊𑽋𑽌𑽍𑽎𑽏𑽐𑽑𑽒𑽓𑽔𑽕𑽖𑽗𑽘𑽙𑽚𑽛𑽜𑽝𑽞𑽟𑽠𑽡𑽢𑽣𑽤𑽥𑽦𑽧𑽨𑽩𑽪𑽫𑽬𑽭𑽮𑽯𑽰𑽱𑽲𑽳𑽴𑽵𑽶𑽷𑽸𑽹𑽺𑽻𑽼𑽽𑽾𑽿𑾀𑾁𑾂𑾃𑾄𑾅𑾆𑾇𑾈𑾉𑾊𑾋𑾌𑾍𑾎𑾏𑾐𑾑𑾒𑾓𑾔𑾕𑾖𑾗𑾘𑾙𑾚𑾛𑾜𑾝𑾞𑾟𑾠𑾡𑾢𑾣𑾤𑾥𑾦𑾧𑾨𑾩𑾪𑾫𑾬𑾭𑾮𑾯𑾰𑾱𑾲𑾳𑾴𑾵𑾶𑾷𑾸𑾹𑾺𑾻𑾼𑾽𑾾𑾿𑿀𑿁𑿂𑿃𑿄𑿅𑿆𑿇𑿈𑿉𑿊𑿋𑿌𑿍𑿎𑿏𑿐𑿑𑿒𑿓𑿔𑿕𑿖𑿗𑿘𑿙𑿚𑿛𑿜𑿝𑿞𑿟𑿠𑿡𑿢𑿣𑿤𑿥𑿦𑿧𑿨𑿩𑿪𑿫𑿬𑿭𑿮𑿯𑿰𑿱𑿲𑿳𑿴𑿵𑿶𑿷𑿸𑿹𑿺𑿻𑿼𑿽𑿾𑿿𑀀𑀁𑀂𑀃𑀄𑀅𑀆𑀇𑀈𑀉𑀊𑀋𑀌𑀍𑀎𑀏𑀐𑀑𑀒𑀓𑀔𑀕𑀖𑀗𑀘𑀙𑀚𑀛𑀜𑀝𑀞𑀟𑀠𑀡𑀢𑀣𑀤𑀥𑀦𑀧𑀨𑀩𑀪𑀫𑀬𑀭𑀮𑀯𑀰𑀱𑀲𑀳𑀴𑀵𑀶𑀷𑀸𑀹𑀺𑀻𑀼𑀽𑀾𑀿𑁀𑁁𑁂𑁃𑁄𑁅𑁆𑁇𑁈𑁉𑁊𑁋𑁌𑁍𑁎𑁏𑁐𑁑𑁒𑁓𑁔𑁕𑁖𑁗𑁘𑁙𑁚𑁛𑁜𑁝𑁞𑁟𑁠𑁡𑁢𑁣𑁤𑁥𑁦𑁧𑁨𑁩𑁪𑁫𑁬𑁭𑁮𑁯𑁰𑁱𑁲𑁳𑁴𑁵𑁶𑁷𑁸𑁹𑁺𑁻𑁼𑁽𑁾𑁿𑂀𑂁𑂂𑂃𑂄𑂅𑂆𑂇𑂈𑂉𑂊𑂋𑂌𑂍𑂎𑂏𑂐𑂑𑂒𑂓𑂔𑂕𑂖𑂗𑂘𑂙𑂚𑂛𑂜𑂝𑂞𑂟𑂠𑂡𑂢𑂣𑂤𑂥𑂦𑂧𑂨𑂩𑂪𑂫𑂬𑂭𑂮𑂯𑂰𑂱𑂲𑂳𑂴𑂵𑂶𑂷𑂸𑂺𑂹𑂻𑂼𑂽𑂾𑂿𑃀𑃁𑃂𑃃𑃄𑃅𑃆𑃇𑃈𑃉𑃊𑃋𑃌𑃍𑃎𑃏𑃐𑃑𑃒𑃓𑃔𑃕𑃖𑃗𑃘𑃙𑃚𑃛𑃜𑃝𑃞𑃟𑃠𑃡𑃢𑃣𑃤𑃥𑃦𑃧𑃨𑃩𑃪𑃫𑃬𑃭𑃮𑃯𑃰𑃱𑃲𑃳𑃴𑃵𑃶𑃷𑃸𑃹𑃺𑃻𑃼𑃽𑃾𑃿𑄀𑄁𑄂𑄃𑄄𑄅𑄆𑄇𑄈𑄉𑄊𑄋𑄌𑄍𑄎𑄏𑄐𑄑𑄒𑄓𑄔𑄕𑄖𑄗𑄘𑄙𑄚𑄛𑄜𑄝𑄞𑄟𑄠𑄡𑄢𑄣𑄤𑄥𑄦𑄧𑄨𑄩𑄪𑄫𑄬𑄭𑄮𑄯𑄰𑄱𑄲𑄳𑄴𑄵𑄶𑄷𑄸𑄹𑄺𑄻𑄼𑄽𑄾𑄿𑅀𑅁𑅂𑅃𑅄𑅅𑅆𑅇𑅈𑅉𑅊𑅋𑅌𑅍𑅎𑅏𑅐𑅑𑅒𑅓𑅔𑅕𑅖𑅗𑅘𑅙𑅚𑅛𑅜𑅝𑅞𑅟𑅠𑅡𑅢𑅣𑅤𑅥𑅦𑅧𑅨𑅩𑅪𑅫𑅬𑅭𑅮𑅯𑅰

Tướng A (𠄎) an trên trán
 Có màu sắc vàng chóc
 Chiếu soi các u ám
 An LỔ (𠄎 - RO) trên hai mắt
 Màu như lưu ly Cam
 Hay hiển các sắc tướng
 Dẫn đũa TRÍ NHƯ LAI
 Tướng LỰC (𠄎 - LIK) an hai vai
 Màu như lụa trắng sáng
 Giống như Tâm Thanh tĩnh
 Mau đạt Đạo Bồ đề
 SA PHỘC (𠄎 - SVÀ) an tim, rốn
 Hình trạng làm màu đỏ
 Thường hay tướng chữ đó
 Mau được Chuyển Pháp Luân
 Chữ HA (𠄎 - HÀ) hai bàn chân
 Màu như mặt trăng tròn
 Hành giả tác tướng ấy
 Mau đạt được VIÊN TỊCH

_ Như vậy Bố tự tướng nhớ màu
 Liền thành Pháp môn Đại Bi Thắng
 Cũng là tướng chân thật Bản Tôn
 Hay diệt các Tội được Cát Tường
 Giống như Kim Cương kiên cố tụ
 Đây là Pháp Đại Bi Thắng Thượng
 Nếu thường như vậy mà tu hành
 Nên biết người đó mau thành tựu (TẮT ĐỊA)
 Tụng ba biến Tịnh châu (làm Tràng hạt thanh tịnh)

Xong dùng tâm của mình tưởng trong miệng Đức Quán Thế Âm Đại Bi Thiên Thủ
 tuôn ra văn tự của Diệu ngôn Đại Bi tỏa ra ánh sáng 5 màu nhập vào trong miệng của
 Hành giả đi đến vành trăng của trái tim rồi an bày xong theo bên phải. Liền tụng Chân
 ngôn của Bản Tôn 1 biến. Dùng ngón vô danh của tay phải lần mỗi một hạt châu. Khi
 quá vòng thì quay trở lại lần như trước, chẳng gấp chẳng chậm, chẳng được cao giọng,
 nên rõ ràng từng chữ và khiến cho con mắt nhìn thấy đủ số chữ niệm tụng đã được an bày
 trên thân của mình với Bản Tôn. Ở trong 1 niệm nên quán thấy 1 lúc chẳng được thiếu
 sót khiến tâm tán loạn. Nếu quán niệm đã mệt mỏi thì tùy theo sức mà niệm tụng. Hoặc
 100, 200, 300 cho đến 500, 1000 biến ... thường lấy một số làm hạn định. Nếu có duyên
 sự cũng chẳng được giảm bớt số. Đến 108 lần xong thì buông tràng hạt xuống. Đây gọi là
 THANH NIỆM TỤNG (niệm tụng ra tiếng).

Nếu cầu giải thoát xa lìa sinh tử thì tác TAM MA ĐỊA DU GIÀ QUÁN HẠNH.
 Pháp này không có hạn định biến số niệm trì. Tức trái tim của mình giống như vành trăng

Ngửa 2 bàn tay cùng cài chéo nhau sao cho Tiến Lực (2 ngón trỏ) cùng chung lưng. Dựng Thiên Trí (2 ngón cái) vịn đầu ngón Tiến Lực (2 ngón trỏ) rồi đặt b ên trên bàn chân.

Hành giả tiếp nên tu A SA PHẢ NA GIÀ Tam Muội. Ngồi ngay thẳng, chỉnh thân thể ngay ngắn, không cho lay động. Lưỡi trụ ở trên nóc họng, ngưng hơi thở ra vào khiến cho hơi thở thật nhẹ nhàng, chân thật quán “*Các Pháp đều do TÂM, tất cả phiền não với Tùy phiền não, Uẩn, Giới nhập ... đều như quán năng, như thành Càn Thát Bà, như vòng lửa chuyển xoay, như tiếng vang dội trong hang động rộng không*”. Quán như vậy xong chẳng thấy thân tâm, trụ nơi sự vắng lặng không có Tướng và Bình đẳng dùng làm Trí cứu cánh chân thật.

Bấy giờ liền quán trong hư không có vô số Chư Phật giống như hạt mè tràn khắp đại địa. Chư Phật đều duỗi cánh tay màu vàng ròng, búng ngón tay cảnh giác rồi bảo rằng: “*Này Thiện nam tử ! Nơi chứng của người chỉ là một đạo thanh tịnh chứ người chưa chứng được TRÍ TÁT BÀ NHÃ của KIM CƯƠNG DỤ TAM MUỘI GIA đâu! Người đừng cho là đủ. Khi xưa, PHỔ HIỀN dùng sự MÃN TỨC mới Thành Tối Chính Giác.*”

Hành giả nghe lời cảnh giác xong. Ở trong ĐỊNH lễ dưới chân của tất cả Đức Phật “*Nguyện xin Đức Như Lai chỉ nơi hành xứ của con.*”

_ Chư Phật đồng âm nói:

“*Người nên quán TÂM mình*”

_ Vừa nghe lời đấy xong

Như giáo quán TỰ TÂM

Trụ lâu quán sát kỹ

Chẳng thấy tướng TÂM mình

Lại tưởng lễ chân Phật

Tự nói: “*Tối Thắng Tôn!*”

Con chẳng thấy TÂM mình

Đây, tướng nào của TÂM? ! ...”

_ Chư Phật thương bảo rằng:

“*Tướng TÂM đo khó lường*

Truyền cho TÂM CHÂN NGÔN

Như LÝ quán kỹ TÂM”

“*ÁN – Tam ma địa Bát ná mê hiệt lệ”*

ॐ ह्रीं पद्मे ह्रीं

OM - SAMADHI PADME HRİH

Từng hơi thở ra vào, mỗi mỗi phải rõ ràng quán vô lượng Chư Phật trong hư không cùng 1 lúc búng tay cảnh giác hành giả rồi bảo rằng: “*Nay người thành Vô Thượng Giác như thế nào? Sao chẳng biết Pháp yếu của Chân tướng Chư Phật?*”

Bấy giờ Hành giả được cảnh giác xong liền bạch với Chư Phật rằng: “*Thế nào gọi là chân thật? Nguyện xin Như Lai vì con mà giải nói.*”

Lúc đó, Chư Phật bảo Hành giả rằng: *“Lành thay! Lành thay! Người có thể hỏi như vậy! Người nên tưởng trong trái tim có chứa chữ ÁC (𑖀 - ÀḤ) trong suốt rõ ràng nơi TÂM. Mật ngôn là:*

“ÁN – Chất đà bát la để vị năng ca lộ nhĩ”

𑖀 𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀 𑖀𑖀𑖀𑖀𑖀

† OM - CITTA PRATIVEDHAM KARA UMI

Nên tụng thầm 1 biến, liền tưởng vành trăng như ở trong đám sương mù mỏng nhẹ. Vì muốn vành trăng ấy được trong sáng cho nên:

Niệm tụng liền thấy TÂM

Viên mãn như trăng tròn

Lại tác suy tư là:

“TÂM này là vật gì?

Phiền não gom chủng tử

Thiện ác đều do TÂM

TÂM là A LẠI GIA (Alaya Vijñāna)

Trong sạch dùng làm NHÂN

Vì huân tập Sáu Độ

Tâm ấy là ĐẠI TÂM

Tạng thức vốn chẳng nhiễm

Trong sạch không cấu uế

Lâu dài gom phước trí

Ví như trăng tròn tịnh

Không THỂ cũng không SỰ

Liên nói chẳng phải Trăng

Do đầy đủ Phước Trí

Tự tâm như trăng tròn”

Tâm hơn hử vui vẻ

Lại bạch: *“Các Thế Tôn!*

Con đã thấy TÂM mình

Thanh tịnh như trăng tròn

Lìa các phiền não cấu

Các Ngã chấp, Sở chấp ...”

_ Chư Phật đều bảo rằng?:

“Tâm người vốn như vậy

Vì khách trần lấp che

TÂM BỒ ĐỀ là TỊNH

Người quán vành trăng tịnh

Được chứng TÂM BỒ ĐỀ

Truyền TÂM CHÂN NGÔN này

Mật tụng mà quán sát

“ÁN – Mạo đề chất đa mẫu đất bá ná gia nhĩ”

ॐ वज्रस्य सुखस्य धर्म

OM - BODHICITTAM UTPADA YAMI

Tụng Chân ngôn này, chân thành quán vành trăng TÂM khiến cho thật thanh tịnh như thái hư rộng lớn không có vết ngăn che. Lại ở trong vành trăng tưởng có 1 hoa sen.

Hay khiến vành trăng TÂM

Tròn đầy hiển sáng tỏ

_ Chư Phật lại bảo rằng:

“Bồ Đề là kiên cố

Khéo trụ kiên lao cố (cực bền chắc)

Lại truyền TÂM CHÂN NGÔN

Mật tụng mà quán sát

“ÁN – Mạo đề chất đa mẫu đất bá ná gia nhĩ”

ॐ वज्रस्य सुखस्य धर्म

OM BODHICITTAM UTPADA YAMI

Tụng Chân ngôn này, chân thành quán vành trăng TÂM khiến cho thật thanh tịnh như thái hư rộng lớn không có vết ngăn che. Lại ở trong vành trăng tưởng có một hoa sen.

Hay khiến vành trăng TÂM

Tròn đầy hiển sáng tỏ

_ Chư Phật lại bảo rằng:

“Bồ Đề là kiên cố

Khéo trụ lao kiên cố (cực bền chắc)

Lại truyền TÂM CHÂN NGÔN

“ÁN – Để sắt tra phạt chiết la bát ná ma

ॐ श्रृ वज्र पद्म

OM TIṢṬA VAJRA PADMA

Tưởng hoa sen ấy và vành trăng lớn dần dần khắp cả Pháp giới ngang bằng với hư không. Người ở vành trăng tịnh quán NGŨ TRÍ KIM CUÔNG khiến vòng khắp Pháp giới chỉ có một ĐẠI KIM CUÔNG, nên biết là **“TỰ THÂN tức là Kim Cương Giới”**

“ÁN – Tát phả la phạt chiết la bát ná ma”

ॐ श्रृ वज्र पद्म

OM - SPHARA VAJRA PADMA

Bên trong hoa sen ấy tỏa ra vô lượng hào quang chiếu soi vô lượng vô biên Thế Giới Cực Lạc. Mỗi thế giới Cực Lạc có báu diệu trang nghiêm đều có ĐỨC QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI với các Thánh chúng vây quanh trước sau ...

Quán như vậy xong, dần dần thu nhỏ hoa sen ấy dùng chứng sự thanh tịnh của Tâm, tự thấy **“Thân là Phật”**.

Mọi tướng đều tròn đầy
 Liên chứng Tát Bà Nhã (Sarvajña: Nhất Thiết Trí)
 Trọng Định lễ khắp Phật
 Nguyên gia trì kiên cố
 _ Tất cả Chư Phật nghe
 Lời Kim Cương giới xong
 Vào hết trong Kim Cương
 Liên nói KIM CƯƠNG TÂM
 _ Chân ngôn là:
“ÁN – Tăng hạ la bát nạp ma”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 OM SAMHARA PADMA

Như vậy, Chư Phật Như Lai ở tất cả thế giới đều tùy theo hoa sen mà thu nhỏ lại ngang bằng với bản thân. Liên biến sắc thân thành Đức VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT với thân màu pha lê hồng tỏa ra ánh hào quang lớn.

Chư Phật đại danh xưng
 Vừa nói MINH đó xong
ĐẰNG GIÁC KIM CƯƠNG GIỚI
 Liên nói Trí chân thật
 _ Thời các Như Lai ấy
 Gia trì kiên cố xong
 Chuyển từ Kim Cương ra
 Trụ khắp ở hư không
 Hành giả tác niệm là:

“Đã chứng KIM CƯƠNG ĐỊNH
Liên đủ TÁT BÀ NHÃ (Sarva jñā_Nhất Thiết Trí)
Ta thành CHÍNH ĐẰNG GIÁC”

Vì khiến chứng BÁT ĐỊA cho nên kết KIM CƯƠNG TAM MUỘI GIA ẤN dùng làm Tòa Kim Cương Liên Hoa.

Tự thân Hành giả là Như Lai
 Lại sợ tán loạn mà thất thoát (lui mất)
 Tiếp tác GIA TRÌ BÍ MẬT ẤN
 Nhẫn Nguyên sáu độ (2 giữa, 2 vô danh, 2 út) cài bên ngoài
 Hai độ Tiến Lực (2 ngón trở) trụ như sen
 Kèm đứng Thiên Trí (2 ngón cái) tưởng như Phướng
 Ấn tim với trán, họng và đỉnh
 Điều tụng một biến xong gia trì
 Tùy sở chân ngôn diệu thỉnh ấn
 Mỗi mỗi tướng thành chữ HỘT LỊ (𑖦𑖯𑖰 _ HRÌḤ)
 _ Mật ngôn là:

“ÁN – Phạt nhật la đạt ma Hột li”

ॐ वज्रधर्म ह्रीः

OM - VAJRA DHARMA - HRÌH

Liên tưởng các Như Lai trên không
Cầm HỦ KHÔNG BẢO rưỡi đỉnh ta
Định Tuệ (2 tay) hòa hợp Kim Cương Phộc
Tiến Lực (2 ngón trỏ) Thiên Trí (2 ngón cái) như hình bấu
Đem ấn trên trán gia trì xong
Trên đầu đội mào NGŨ PHẬT TRÍ

_ Mật ngôn là:

“ÁN – Bát ná ma la đạt ná A tỳ trừ giả tát phộc hàm hột li đạt lạc”

ॐ पद्म [वज्र] क्षेम ह्रीः ॐ

OM - PADMA RATNA ABHISIMCA SVÀMAM HRÌH TRÀH

_ Tiếp, kết HOA MAN ÁN

Đem hai tay lúc trước để ngang trái tim. Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào trong Bản Nguyên (lòng bàn tay). Sáu độ Nhân Nguyên (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) đều nắm quyền. Từ vầng trán chia hai tay buộc quanh đến sau đỉnh (ót) kết Liên Hoa Quyền như thế cột vòng hoa, từ từ hạ xuống rồi buông ra giống như thế rũ dây đai.

_ Mật ngôn là:

“ÁN – Bát ná ma la đạt ná ma lệ Hàm”

ॐ पद्म [वज्र] ह्रीः

OM - PADMA RATNA MÀLE HÙM

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT TỪ GIÁP ÁN

Hai tay kết Kim Cương Quyền đặt ngang trái tim. Đặt cạnh Tiến Lực (2 ngón trỏ) giao nhau. Trên mặt ngón Tiến (ngón trỏ trái) tưởng chữ ÁN (ॐ- OM), mặt ngón Lực (ngón trỏ phải) tưởng chữ TRUNG (ॐ- TUM) tỏa ra ánh sáng màu lục. Ánh sáng chẳng gián đoạn như rút dây tơ của ngó sen. Đặt ấn ngang trái tim xong, giữ Định quyền (quyền trái), dùng Trí quyền (quyền phải) buộc vòng hoa sau vầng trán xong liền hướng về trước rũ duỗi ngón Tiến (ngón trỏ trái). Hai độ ÁN CHÂM (ॐॐ - OM TUM) cùng nhau xoay vòng quanh tỏa ánh sáng màu lục liên tục chẳng dứt như mặc áo giáp. Từ tim, lưng, rốn, eo lại đến đầu gối, ngực, lưng, hông, cổ, phía sau vầng trán. Mỗi mỗi xoay chuuyển Tiến Lực (2 ngón trỏ) 3 lần rồi buông tán. Lại ở trước dùng bàn tay rũ tán (các ngón) như rũ áo trời. Liên hay hộ khắp các chúng sinh. Tất cả Thiên Ma chẳng có thể hoại. Tụng Chân ngôn này là:

“ÁN – A bà gia bát ná ma ca phộc chế mãn đà la ngật sai Hàm Hồng Hám”

ॐ अविनाशाय नमः ॐ

OM - ABHAYA PADMA KAVACE BANDHA RAKSA MAM HÙM HAM

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG DIỆU KHÁNH ẤN, hay khiến cho Chư Thánh đều vui vẻ.

Co Thiên Trí (2 ngón cái) vào Kim Cương Phộc, co đều Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn nhau như cái vòng. Đây là KIM CƯƠNG HOAN HỖ ẤN. Tụng Mật ngôn là:

“ÁN – Bát ná ma phệ xả Hồng”

ॐ पद्म वे सा हु म्

OM - PADMA VE'SA HÙM

Tác Pháp này thì tất cả Chư Phật Bồ Tát và Bản Tôn Thánh giả đều vui vẻ.

_ Tiếp, kết Ứ GIÀ THỦY ĐÀ LA NI ẤN.

Đem Uất Kim Hương, Long Nảo Hương, Bạch Đàn Hương, nước, hòa chung chứa đầy trong bình Ứ GIÀ rồi dân lên cúng dường.

_ Tiếp, tác Ứ GIÀ KHẾ

Liên đem 2 tay vào ngang trái tim. Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) ngửa duỗi thẳng. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) vịn móng Thiên Trí (2 ngón cái). Tụng Mật ngôn này là:

“ÁN – Đế lệ bột đà Sa phộc hạ”

ॐ त्रिलोक्य सुखं सुखं

OM - TERALE BUDDHA SVÀHÀ

Tác cúng dường này dùng nước Cam Lộ Kim Cương của tất cả Như Lai rưới lên đỉnh đầu của tất cả chúng sinh nhằm diệt trừ vô lượng nghiệp chướng của hữu tình. Người uống nước này hay trừ các tai hoạ. Do kết Ứ GIÀ cúng dường và dâng mọi nước thơm Ứ GIÀ tưởng tắm thân Vô Cấu của Chư Thánh sẽ được QUÁN ĐỈNH PHÁP VÂN ĐỊA.

_ Tiếp, kết NHẤT THIẾT NHƯ LAI BÁCH TỰ ĐÀ LA NI ẤN.

10 ngón tay buộc bền chắc, kèm cứng Thiên Trí (2 ngón cái). Mật ngôn là:

“ ÁN – Bát ná ma Tát đất phộc tam ma gia Ma nô bán la gia – Bát ná ma tát đất phộc đất vĩ nô ba để sắt xá - Niết lệ trạc trà hộ minh bá phộc – A nỗ lộ ngật đồ minh bát phộc – Tô báo sái dụ, minh bá phộc – Tát đĩnh minh bát la gia xa Tát bà yết tô ma giả minh – Chất đá thất lệ được – Cú lô Hồng – Ha Ha Ha Ha Hô Bạc Già Phạm – Tát bà đá tha yết đá – Bát na ma mãng danh muộn già – Bát ná mê bá phộc – ma hạ Tam ma gia tát tủa – ÁC”

OM - PADMASATVA SAMAYAM - ANUPALÀYA PADMASATVA
TVENOPA TIṢṬA DRḌHO - MEBHAVA SUPOṢYO - MEBHAVA ANURAKTO
- MEBHAVA SUPOṢYO - MEBHAVA SARVA SIDDHI ME PRACCHA -
SARVA KARMASU _CA ME CITTA 'SRÌYAḤ KURU HÙM - HA HA HA HA
HOḤ - BHAGHAVAM - SARVA TATHÀGATA PADMA MÀ ME MUṢCA -
PADMÌ BHAVA_MAHÀ SAMAYA SATVA ÀḤ .

(Bản khác ghi là : ॐ पद्मसत्त्व समयसत्त्व पद्मसत्त्व वृक्षपत्रेषु वृक्ष
 मन्त्र शुभ्र मन्त्र शुभ्र मन्त्र शुभ्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र
 मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र
 मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र मन्त्र)

OM_ PADMASATVA SAMAYAM_ ANUPÀLAYA PADMASATVA TVENA
 UPATIṢṬA DR̥ḌHO _ MEBHAVA SUTOṢYO_ MEBHAVA SUPOṢYO_
 MEBHAVA ANURKTO_ MEBHAVA SARVA SIDDHIM_ ME PRAYACCHA
 SARVA KARMASU_ CA ME CITTAM ‘SRÌYAM KURU HUM_ HA HA HA HA
 HOH_ BHAGAVAM_ SARVA TATHÀGATA PADMA_ MA ME MUMCA _ PADMÌ
 BHAVA_ MAHÀ SAMAYA SATVA_ ÀH)

Do dùng MA HA DIỄN NA BÁCH TỰ CHÂN NGÔN gia trì, cho nên đã phạm 5
 tội Vô Gian phi báng tất cả Chư Phật với Kinh Phương Quảng, người tu Chân ngôn đều
 trừ được. Dùng Bản Tôn trụ bền chắc ngay thân của mình ắt được tất cả TẤT ĐỊA đã
 mong cầu ở đời hiện tại là Trí Thắng Tất Địa, Kim Cương Tỏa Tất Địa, cho đến Như Lai
 Tối Thắng Tất Địa.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG HỖ HÝ ẨN để thành tựu nội quyền thuộc của Như Lai.

Hai tay Định Tuệ hòa hợp Kim Cương. Dựng 2 độ Thiền Trí (2 ngón cái) ở trái tim.
 Tất cả Hỷ Hý Tiệm Luân đài buông Luân Khế thích ý ở trên đỉnh đầu. Tụng Chân ngôn
 này là:

“ÁN – Bát ná ma la tế Hô”

ॐ पद्म [१] ऋ

OM - PADMA RATI HOH

Tác Pháp này như đem tất cả Trí tuệ của Như Lai cúng dường Chư Phật dùng làm
 du hý. Do đem hỷ hý cúng dường cho nên chẳng bao lâu sẽ chứng Kim Cương Định.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG HOA MAN ẨN quán đám mây tràng hoa màu nhiệm
 tràn đầy khắp Pháp giới.

Chẳng sửa Ẩn lúc trước, dâng lên trước mặt tưởng vòng hoa báu dùng nghiêm
 phòng. Tụng Chân ngôn này là:

“ÁN – Bát ná ma Ma lệ đất la Tra”

ॐ पद्म माला ॐ

OM PADMA MÀLE TRAT

Tác Pháp này như đem vòng hoa Bồ đề mà cúng dường. Do dùng vòng hoa Kim
 Cương cúng dường sẽ được trao truyền Vương vị của Pháp quán đỉnh.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG CA VỊNH ẨN tán dương Phước Trí của Như Lai. Chân
 thành quán tưởng tốt, vận âm trong trẻo, dùng khế NHƯ NHƯ TÍNH LÝ, khởi Ẩn Ca
 Vịnh của Kim Cương này dùng âm thanh màu nhiệm ca ngợi Phật Trí.

Ẩn như trước, đem từ rốn đến miệng rồi buông ra nhằm diễn âm nhạc màu nhiệm
 làm vui cho Thánh Tôn. Tụng chân ngôn này là:

“ÁN – Bát ná ma nghĩ đế nghĩ”

ॐ पद्म गीते गिः

OM PADMA GITE GIH

Tác Pháp này như đem tất cả Mật ngôn Ca Vịnh của Như Lai mà cúng dường, chẳng bao lâu sẽ được Như Lai Biện.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG VŨ DIỆU ÁN quán đám mây diệu cổ (các trống màu nhiệm) cúng dường khắp.

Hai tay Định Tuệ đều xoay múa từ hông sườn bên phải, hông sườn bên trái rồi đến trái tim . Mỗi mỗi Tiến Lực (2 ngón trỏ) xoay vòng 3 lần, Chân ngôn Tiệm Luân (xoay vòng dần dần đọc Chân ngôn) lên trên đỉnh rồi buông Án. Tụng Mật ngôn này là:

“ÁN – Bát ná ma Nễ lệ đế Ngật lệ tra”

ॐ पद्म नृत्ते त्रः

OM PADMA NRTYE KRT

Tác Pháp này như đem tất cả Biện tài của Như Lai mà cúng dường. Do dùng điệu múa màu nhiệm cúng dường cho nên sẽ được Ý SINH THÂN của Như Lai.

_ Tiếp, kết PHẦN HƯƠNG NGOẠI CÚNG DƯỜNG xông ướp khắp Hải Hội của Phật.

Hoà hợp Kim Cương, đưa xuống dưới buồng chướng, tưởng đám mây hương màu nhiệm tràn khắp Pháp giới. Tụng Chân ngôn này là:

“ÁN – Bát ná ma độ bễ ÁC”

ॐ पद्म धूपे ऋ

OM PADMA DHUPE ÀH

Tác Pháp này như đốt tất cả hương màu nhiệm của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho tất cả hữu tình được quả Thanh tịnh. Do dùng hương đốt cúng dường nên liền được Trí Vô ngại màu nhiệm.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG TÁN HOA ÁN để trang nghiêm thế giới.

Kết Án đưa lên trên buồng tán như giỡn hoa. Đám mây hoa bay phơ phới thơm phức tràn khắp Pháp giới. Tụng Chân ngôn này là:

“ÁN – Bát ná ma bổ sắt bễ”

ॐ पद्म पुष्पे (ॐ)

OM PADMA PUSPE (OM)

Tác Pháp này như đem tất cả hoa màu nhiệm của Thế gian mà cúng dường, hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu 32 tướng CỤ TỨC của Như Lai. Do kết hoa Kim Cương cúng dường nên mau chóng chứng 48 tướng Như Lai.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG ĐĂNG MINH ÁN chiếu rọi khắp PHẬT HỘI, hợp ánh sáng hiển hiện.

Sáu độ Nhẫn Nguyện (2 ngón giữa, 2 ngón vô danh, 2 ngón út) cùng cài chéo nhau bên ngoài. Co Tiến Lực (2 ngón trỏ) dính nhau như hình bấu. Đem Thiền Trí (2 ngón cái)

lúc trước đặt gần sát Kim Cương Phộc. Ánh sáng đèn MA NI chiếu rọi khắp Pháp giới. Tụng Chân ngôn này là:

“ **ÁN – Bát ná ma nễ bễ nễ** ”

ॐ पद्मदिपे दिः

OM PADMA DÌPE DÌH

Tác Pháp này như đem tất cả đèn Trí (Trí đăng) của Như Lai mà cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được thành tựu Trí Tuệ của Như Lai. Do dùng đèn Kim Cương cúng dường sẽ mau đầy đủ 5 loại mắt của Như Lai.

_ Tiếp, kết KIM CƯƠNG ĐỒ HƯƠNG dùng cúng dường các Phật Hội.

Buông tán Kim Cương Phộc như xoa hương. Hơi thơm (hương khí) tràn khắp 10 phương giới. Chân ngôn là:

“ **ÁN – Bát ná ma hiến đề ngược** ”

ॐ पद्मगन्धे गः

OM PADMA GANDHE GAH

Tác Pháp này như đem tất cả hương THI LA TRÍ của Như Lai mà làm cúng dường hay khiến cho hữu tình mau được GIỚI THÂN THANH TĨNH. Do kết KIM CƯƠNG HƯƠNG ẤN được đủ 5 phần Pháp thân. Như vậy rộng làm Phật sự.

_ Tiếp, nên chân thành **quán tác niệm tụng**. Trước tiên nên 1 duyên quán Bản Tôn, 4 MINH dẫn vào nơi Tự Thể (Thể của mình) TRÍ NHÂN và TÔN không có hai (VÔ NHI), uy nghi sắc tướng đều như nhau. Chúng Hội quyến thuộc đều vây quanh, trụ ở Viên Tịch Đại Kính Trí.

Hai tay Định Tuệ kết Kim Cương Phộc. Dựng hai độ Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) như cây Phướng. Liên tụng QUÁN ẮN CĂN BẢN MINH, thân ở vành trăng đồng với TÁT ĐỎA. Tụng Chân ngôn này là:

“ **ÁN – Lộ kế thấp phộc la la nhạ, Hiệt li** ”

ॐ लोकेस्वराजे हरिः

OM - LOKE'SVARA RÀJA HRÌH

_ Tiếp, nói QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN VÔ NGẠI ĐẠI BI TÂM NỄ LA KIẾN THA ĐÀ LA NI là:

1. **Ná mộ la đát ná đát la dạ dã** (NAMO RATNATRÀYÀYA)
2. **Ná mô A li gia** (NAMAḤ ÀRYA)
3. **Phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã** (AVALOKITE'SVARÀYA)
4. **Mạo đề tát đát phộc dã** (BODHISATTVÀYA)
5. **Ma hạ tát đát phộc dã** (MAHÀ SATTVÀYA)
6. **Ma hạ ca lỗ ni ca dã** (MAHÀ KARUṆIKÀYA)
7. **Tát bà mẫn đà na** (SARVA BANDHANA)
8. **Thế ná ná ca la dã** (CCHEDANA KÀRÀYA)
9. **Tát ma bá phộc** (SARVA BHAVA)
10. **Tam mẫn nộ lộ lộc sa noa** (SAMUDRAM SUKṢANA)

11. Ca la dã (KÀRÀYA)
12. Tát phộc di dạ (SARVA VYA)
13. Đê (DHI)
14. Bát la xả ma ná ca la dã. Tát vi đê dụ bả nại la phộc (PRA'SAMANA KÀRÀYA _ SARVA TITYU BHANDRAVA)
15. Vĩ ná xá ná ca la dã (VINA'SANA KÀRÀYA)
16. Tát ma bá dụ số giả, đát la noa ca la đát tả (SARVA BHAYEṢYO TÀRÀṆA KÀRÀ _ TASMAI)
17. Ná ma tắc ngật lị đát phộc (NAMASKRTVA)
18. Ế hàm A lị gia (IMAM ÀRYA)
19. Phộc lộ chỉ đế (AVALOKITE)
20. Thấp phộc la ('SVARA)
21. Đát la nễ la kiến tha na ma (LAMTABHA _ NÌLAKAṆṬHA NÀMA)
22. Hiệt lị đà gia ma mặt đá dĩ sử dạ nhĩ (HRDAYA MABRATA ICCHYAMI)
23. Tát ma lị dã sa đà nẫm thú bá (SARVÀRTHA SÀDHANAM 'SUDDHAM)
24. A chất diễm tát ma bộ đá nẫm (AJIYAM SARVA BHÛTANAM)
25. Bá phộc mặt lị nga (BHAVA MARGA)
26. Vĩ thú đà, Kiếm (VI'SUDDHAKAM)
27. Đát nễ dã tha (TADYATHÀ)
28. ÁN (OM)
29. A lộ kế (ÀLOKE)
30. A lộ ca ma đế (ÀLOKA MATI)
31. Ca loan đế (KRAMTE)
32. Tứ tứ ha lệ (HE HE HÀRE)
33. Ma ha bồ đề tát đỏa (MAHÀ BODHISATTVA)
34. Hê mạo đề tát đát phộc (HE BODHISATTVA)
35. Hê ma ha mạo đề tát đát phộc (HE MAHÀ BODHISATTVA)
36. Hê bát lị gia (HE VÌRYA)
37. Mạo đề tát đát phộc (BODHISATTVA)
38. Hê ca lố nê ca (HE KARUṆIKA)
39. Sa ma la Khất lị ná diên (SMARA HRDAYAM)
40. Tứ tứ ha lệ (HE HE HÀRE)
41. A lô gia phộc lộ chỉ đế (ÀRYA AVALOKITE)
42. Thấp phộc la ma tố nê phộc la một đát la ('SVARA MAHE'SVARA MAITRA)
43. Chất đa (CITTA)
44. Ma ha lố ni ca (MAHÀ KARUṆIKA)
45. Cú lố cú lố yết hàm (KURU KURU KARMAM)
46. Sa đà dã, Sa đà dã (SÀDHAYA SÀDHAYA)
47. Vĩ niệm (VIDYA)
48. Nê tứ nê tứ mê phộc lam (NIHE NIHE ME VARAM)

49. Ca hàm nga ma (KĀMAM GAMA)
50. Vĩ dưỡng nga ma (VIYAM GAMA)
51. Vĩ dưỡng nga ma (VIYAM GAMA)
52. Vĩ nga ma (VIGAMA)
53. Tát bà dụ nghệ thấp phộc la (SARVA YOGĒ'SVARA)
54. Độ lỗ độ lỗ vĩ gia đễ (DHURU DHURU VIYANTI)
55. Ma ha vĩ gia đễ (MAHĀ VIYANTI)
56. Đà la (DHĀRA)
57. Đà lê nại lê Thấp phộc la – Giả la vĩ ma la mẫu lật để (DHĀRE
INDRE'SVARA_CALA VIMALA AMṚTE)
58. A lị dã phộc lộ chỉ để (ĀRYA AVALOKITE)
59. Thấp phộc la nhĩ ná ('SVARA JINA)
60. Ngật lị sắt noa (KṚṢṆA)
61. Nhạ tra ma cú tra phộc lam ma (JAṬA MAKUṬA VARAṆMA)
62. Bát lam ma (PRARAṆMA)
63. Ma ha tất đà (MAHĀ SIDDHA)
64. Vĩ nễ gia (VIDYA)
65. Mạt la mạt la ma ha mạt la (MALA MALA MAHĀ AMALA)
66. Giả la giả la ma ha giả la (CALA CALA MAHĀ ACALA)
67. Ngật lị sắt noa phộc lị noa (KṚṢṆA VṚṆA)
68. Ngật lị sắt noa bác xoa nễ già đát na (KṚṢṆA PAKṢA DIRGHATANA)
69. Hê ha ná ma (HE PADMA)
70. Hạ sa đá (HASTA)
71. Giả la giả la (CARYA CARYA)
72. Nễ xá giả lệ Thấp phộc la (NĪ'SA CARYA'SVARA)
73. Ngật lị sắt noa tát bà (KṚṢṆA SARPA)
74. Ngật lị đán dã nghĩ nễ cát nùng ba ni đán (KṚTVĀ AGNI JYOPAVITAM)
75. Ê hế duệ ma ha phộc la ha mục khư (EHYEHI MAHĀ VARAHA MUKHA)
76. Để lị bố la ná ha ni Thấp phộc la (TRIPŪRA DAHANE'SVARA)
77. Na la dã noa (NARAYANA)
78. Lỗ ba phộc la (RŪPA VARA)
79. Vi nga đa lô hê (VIGATA LOKE)
80. Nễ la kiến tha (NĪLAKAṆṬHA)
81. Hê ma ha ha la ha la (HE MAHĀ HĀRA HĀRA)
82. Vĩ sái (VIṢA)
83. Nễ thệ đá lỗ ca tả (NIRJITA LOKAṢYA)
84. La nga vĩ sái vĩ na xá ná (RĀGA VIṢA VINA'SANA)
85. Nễ vĩ sái (DVIṢA VIṢA)
86. Vĩ na xá ná (VINA'SANA)
87. Mô hạ vĩ sái vĩ ná xá na (MOHA VIṢA VINA'SANA)
88. Hộ lỗ hộ lỗ (HURU HURU)

89. **Ma la ha lố (MAHÀ HURU)**
90. **Ha lệ ma ha bả ná ma na bá (HÀRE MAHÀ PADMA NÀBHA)**
91. **Sa la sa la (SARA SARA)**
92. **Đồ lì đồ lì (SIRI SIRI)**
93. **Tố lố tố lố (SURU SURU)**
94. **Một hưởng một hưởng, mạo đà đã mạo đà đã (MURU MURU_ BUDDHYA BUDDHYA)**
95. **Mạo đà đã đế (BODDHAYATE)**
96. **Nễ la kiến tha (NÌLAKAṆṬHA)**
97. **Ê hế duệ hế (EHYEHI)**
98. **Phộc (VA)**
99. **Ma hạ tất tha đá (MAHÀ STHITA)**
100. **Hạ mục kha (HA MUKHA)**
101. **Hạ sa hạ sa (HASA HASA)**
102. **Muộn giả muộn giả (MUMCA MUMCA)**
103. **Ma ha tra tra Ha tăng (MAHÀ ṬÀṬA HASAM)**
104. **Ế hế duệ hế (EHYEHI)**
105. **Bộ (PAM)**
106. **Ma ha tất đà dụ nghệ Thấp phộc la (MAHÀ SIDDHA YOGE'SVARA)**
107. **Bá noa bá noa phộc chế (SAṆA SAṆA VACE)**
108. **Sa đà sa đà dạ vĩ niệm (SÀDHA SÀDHAYA VIDYA)**
109. **Sa ma la, Sa ma la (SMARA SMARA)**
110. **Đam bà nga văn đàm (TÀM_ BHAGAVAM 'SAM)**
111. **Lô chỉ đá (LOKITA)**
112. **Vĩ lộ cát đàm (VILOKITAM)**
113. **Đá tha nghiệt đàm (TATHÀGATAM)**
114. **Ná na tứ mê (DADÀ HÌME)**
115. **Nại xả ná (DAR'SANA)**
116. **Ca ma tả (KÀMAṢYA)**
117. **Nại lệ xá nẫm (DAR'SANAM)**
118. **Bát la ha la (PRAHARA)**
119. **Ná gia ma nẫm Sá phộc ha (DÀYA MANA_ SVÀHÀ)**
120. **Tất đà gia Sa phộc ha (SIDDHÀYA_ SVÀHÀ)**
121. **Ma ha tất đà Sa phộc ha (MAHÀ SIDDHÀYA_ SVÀHÀ)**
122. **Tất đà dụ nghệ Thấp phộc la gia Sa phộc ha (SIDDHA YOGE'SVARÀYA_ SVÀHÀ)**
123. **Nễ la kiến tha gia, Sa phộc ha (NÌLAKAṆṬHÀYA_ SVÀHÀ)**
124. **Phộc ha phộc la hạ mục khứ gia, Sa phộc ha (VAHA VARAHA MUKHÀYA_ SVÀHÀ)**
125. **Ma ha ma ha ná la Tăng hạ mục khứ gia, Sa phộc ha (MAHÀ MAHÀ DHÀRA SIMHA MUKHÀYA_ SVÀHÀ)**

126. **Tát đà vĩ nễ đã đà la gia, Sa phộc ha** (SIDDHA VIDYADHÀRÀYA_ SVÀHÀ)
127. **Bát ná ma hạ tát đá gia Sa phộc hạ ngật li sắt noa. Tát bà ngật li đán dã. Nghĩ nễ dụ bả vĩ đá dã, Sa phộc ha** (PADMA HASTÀYA SVÀHÀ_ KṚṢṆA SARPA KṚTVAYA AGNI JYOPAVITÀYA SVÀHÀ)
128. **Ma ha la cú tra đà la dã, Sa phộc ha** (MAHÀ LAKUṬA DHÀRÀYA_ SVÀHÀ)
129. **Giả yết la dụ đà gia Sá phộc ha** (CAKRA YUDHÀYA_ SVÀHÀ)
130. **Thương khư nhiếp đà nễ, bộ đà ná gia Sá phộc ha** (‘SAÑKHA ‘SADHDANI BODDHA NÀYA_ SVÀHÀ)
131. **Ma ma (Thọ trì) tắc kiến đà nê sa tất thể đán** (MAMA.... SKANDA VIṢA STHITA)
132. **Ngật li sắt noa nhân ná gia Sa phộc ha** (KṚṢṆA JINÀYA_ SVÀHÀ)
133. **Di già la chiết ma nễ** (VYAGHRA CAMANI)
134. **Phộc** (VA)
135. **Tát ma tất đệ** (SARVA SIDDHE)
136. **Thấp phộc la gia Sa phộc ha** (‘SVARÀYA_ SVÀHÀ)
137. **Ná mộ bà nga phộc đế** (NAMO BHAGAVATE)
138. **A li gia phộc la chỉ đế thấp phộc la gia** (ÀRYA AVALOKITE’SVARÀYA)
139. **Mạo địa tát đá phộc gia** (BODHISATTVÀYA)
140. **Ma ha tát đá phộc gia** (MAHÀ SATTVÀYA)
141. **Ma ha ca gia** (MAHÀ KÀYA)
142. **Tát diện đô minh** (SIDDHYANTU ME)
143. **Đát la bá na gia, Sa phộc ha** (MANTRA PADÀYA_ SVÀHÀ)

Hai tay Định Tuệ dâng Châu man (Tràng hạt). Gia trì 7 biến xong, nâng lên trên đỉnh đầu. Lại để ngang trái tim, trú bên chắc ở ĐẰNG DẰN rồi niệm tụng. Hơi động đầu lưỡi, hợp mối răng. Thân thuận ngược, quán tướng tốt. Bốn thời siêng tu chẳng gián đoạn, lấy ngàn trăm làm giới hạn. Lại vượt qua tất cả Thần Thông và Phước Trí. Đời hiện tại ngang bằng với BIẾN CHIẾU TÔN. Hành giả niệm tụng phần hạn xong rồi, nâng tràng hạt trên đỉnh đầu phát khởi ĐẠI NGUYỆN. Sau đó kết TAM MA ĐỊA ẤN nhập vào PHÁP GIỚI THỂ TÍNH TAM MUỘI. Nên tập BỐ TỰ, chuyển ĐÀ LA NI.

Các Pháp vốn chẳng sinh
 Tự tính lia ngôn thuyết
 Thanh tịnh không cấu nhiễm
 NHÂN NGHIỆP bằng hư không
 Chuyển lại suy tư kỹ
 Chữ chữ ngộ chân thật
 Trước sau tuy sai biệt
 Sở chứng đều gom Một
 Chẳng bỏ Tam Muội này

VÔ TRỤ VÔ DUYÊN BI
Nguyên khắp các hữu tình
Như TA không có khác

Hành giả từ TAM MUỘI xuất ra liền kết CĂN BẢN ẨN, tụng BẢN MINH 7 biến. Lại dùng sự cúng dường lớn. Đức Phật dùng âm từ màu nhiệm xưng dương khen ngợi, hiển nước Ứ GIÀ. Dùng GIÁNG TAM THỂ ẨN chuyển bên phải để giải giới. Ẩn liền kết KIM CƯƠNG GIẢI THOÁT ẨN phụng tụng Chư Thánh y theo sám hối lúc trước, khải bạch Thánh giả, phát tâm nguyện xong.

_ Tiếp, liền KHIỂN ẨN

Đem CĂN BẢN ẨN lúc trước từ rốn đến mặt mới buông tán. Chắp tay ở trên đỉnh đầu, tưởng QUÁN TỰ TẠI VƯƠNG NHƯ LAI quay trở lại BẢN CUNG. Tụng Chân ngôn này là:

“ẨN – Bạt nhật la bát ná ma dục”

ॐ वज्र पद्म मुह

OM - VAJRA PADMA MUH

Phát khiển Bản Tôn xong, tùy ý phát nguyện, lại dùng GIÁP ẨN hộ thân, dùng MÃ ĐẦU MINH VƯƠNG GIỚI ẨN lúc trước chuyển bên trái để giải giới rồi tùy ý kinh hành đi đến nơi trong sạch dùng hương hoa nghiêm trì. Đọc tụng kinh Đại Bát Nhã, kinh Hoa Nghiêm, kinh Niết Bàn, kinh Lăng Già ... đi, đứng, ngồi, nằm, thường niệm Bản Tôn đừng để gián đoạn.

Nếu có chúng sinh gặp kinh giáo này. Ngày đêm 4 thời tinh tiến tu tập thì đời này chứng được HOAN Hỷ ĐỊA, sau 16 đời thành Chính Giác.

Hướng theo điều đã dịch, lược nơi câu cú mà tùy thuộc nói ĐÀ LA NI như vậy. Mỗi một chữ chứa đủ 8 vạn Tạng Tu Đa La, vô lượng trăm ngàn TUYỀN ĐÀ LA NI. Mỗi một môn đều nói chân tướng của chân như thâm sâu.

Đây là dùng sự lưu truyền hiếm có của nhiều đời mà diễn thích. Lại dùng điều chẳng giải CHÂN NGÔN mà dùng được GIA BỊ nên gọi chung là CHÚ. BẤT (不) cũng là PHI (非) nên nói ĐÀ LA NI hoặc CHÂN NGÔN, hay nói là MINH VƯƠNG, có thật nhiều HIỆU. Nói thẳng là CHÚ tức là CHÚ TRỞ có sự khác biệt thế nào? Đây tức là sự ngộ nhận (sai lầm) của phiên dịch. Lại xưng là điều trao truyền mà hy vọng là không có tội ư!

THIÊN THỦ THIÊN NHÃN QUẢNG ĐẠI VIÊN MÃN DIỆU THÂN ĐẠI BI
BẢO TRÀNG ĐÀ LA NI

1. Ná mô la dát năng dát la dạ gia (NAMO RATNATRÀYÀYA)
2. Ná mô A di đá bà đã (NAMO AMITÀBHAYA)
3. Đá tha nga đá gia (TATHÀGATÀYA)
4. La ha đế tam miệu tam bột đà đã (ARHATE SAMYAKSAMBUDDHÀYA)

5. **Ná ma A lợi gia phộc lộ chỉ đế thấp phộc la dã, mạo đề tát đất phộc dã, ma ha tát đất phộc dã, ma ha ca lô ni ca dã (NAMAḤ ÀRYA AVALOKITE'SVARÀYA BODHISATTVÀYA _ MAHÀ SATTVÀYA_ MAHÀ KARUṆIKÀYA)**
6. **Na mô ma ha tát tha ma dã bát la bát đá dã, mạo đề tát đất phộc dã (NAMAḤ MAHÀ STHAMAPRAPTÀYA BODHISATTVÀYA)**
7. **Ma ha tát đất phộc dã, ma ha ca lô ni ca dã (MAHÀ SATTVÀYA_ MAHÀ KARUṆIKÀYA)**
8. **Na mô bà nga phộc đế (NAMO BHAGAVATE)**
9. **Vĩ bố la vĩ ma na tô bát la đế sát sĩ đá tăng khế dã (VIPÙLA VIMANA SUPRATIṢṬA SUMGHYA)**
10. **Tổ lệ dã xả đá sa ha Sa la đế lệ ca (SURYA 'SATA SAHASRA ATREKA)**
11. **Bát la bá phộc bá tát đá mậu lật đá duệ (PRABHAVA BHASITA AMṚTAYE)**
12. **Ma ha ma ni ma củ tra (MAHÀ MAṆI MAKUṬA)**
13. **Quân noa la đà lệ ni bà nga phộc đế (KUṆḌALINI BHAGAVATE)**
14. **Bát ná ma bả noa duệ (PADMAPÀṆIYE)**
15. **Tát phộc tát đá phộc (SARVA SATTVA)**
16. **Bả lệ mê giả na dã (PARIMOCANAYA)**
17. **Đá nễ dã tha, ÁN (TADYATHÀ : OM)**
18. **Bộ lệ bộ phộc (BHURÙ BHÙVAḤ)**
19. **Ma ha ca la noa (MAHÀ KARAṆA)**
20. **Tát đá ma đế nhĩ la bà tra la (ATMA STIMIRA PAṬARA)**
21. **Ma nhật la (VAJRA)**
22. **Vĩ na xả ná ca la dã la nga ná mạt sa ma ha mô hạ nhạ la xả ma ca (VINA'SANA KÀRÀYA_ RÀGA DVAIṢA MAHÀ MOHA JÀLA 'SAMAKA)**
23. **Xả sa ca ('SASAKA)**
24. **Lộ ngật sai ca tát ma bả dã nậu khư nạp nga đế (ROKṢAKA SARVA PÀYA DUḤKHA DURGATI)**
25. **Bát la bát la xả ma na ca la dã. Tát phộc đá tha nga đá sa ma phộc đà na ca la (PRA PRA'SAMANA KÀRÀYA_ SARVA TATHÀGATA SAMA BANDHA KÀRA)**
26. **Tát phộc xá bả lệ bổ la ca (SARVA 'SAPARIPURAKA)**
27. **Tát phộc tát đá phộc sa ma xá phộc sa ca la (SARVA SATTVA SAMA SVASAKARA)**
28. **Y hê duệ hê (EHYEHI)**
29. **Ma ha mạo địa tát đá phộc (MAHÀ BODHISATTVA)**
30. **Ma la ná bả na ma lộ ca bộ đà (VARADA PADMA LOKA BHÙTA)**
31. **Ma ha ca lộ ni ca (MAHÀ KÀRUṆIKA)**
32. **Nhược tra ma (JATA MAKUṬA)**

33. **Lăng ngật lệ đá** (LUMKṚTA)
34. **Thủy la đồ** (‘SARIRA)
35. **Ma ni ca na ca la nhạ đá ma nhật la** (MAṆI KANAKA RĀJATA VAJRA)
36. **Vĩ sân nan gia lăng ngật lệ đá** (VIBHINDHĀYA LUMKṚTA)
37. **Xả lệ la dã** (‘SARIRĀYA)
38. **A nhĩ đá bà thị ca na ma ha ma la lăng ngật lệ đá** (AMITABHA JINAKA MAHĀ MĀLA LUMKṚTA)
39. **Bát la ná la na lệ** (PRANARA NĀRI)
40. **Ma ha nhạ na xả đá sa ha sa la** (MAHĀ JANA ‘SATA SAHASRA)
41. **Tỳ la sử đá ca dã** (AVĪRA ŚITAKĀYA)
42. **Ma ha mạo đề tát phộc vĩ đà ma vĩ đà xả dã vĩ na xả dã** (MAHĀ BODHISATTVA VIDHAMA VIDHA’SAYA VIDHA’SAYA)
43. **Ma ha diển đá la ngật lệ xả** (MAHĀ YANTRA KLE’SĀ)
44. **Ca phộc tra phộc ma đà tăng sa la khư la ca bát la ma tha na** (KAVAṬABHA MARDHA SUṂSARA CALAKA PRAMARTHANA)
45. **Bổ lỗ sa bát ná ma bổ lỗ sa na nga** (PURUṢA PADMA PURUṢA NĀGA)
46. **Bổ lỗ sa nga la** (PURUṢA SĀGRA)
47. **Mạt la vi nhạ dã** (MARA VIJAYA)
48. **Vi la nhạ tố nan đá** (VIRAJA SUTANTA)
49. **Đá lệ vật lệ đá** (PRVṚTA)
50. **Ná ma sa ma sa ma** (DAMA SAMA SAMA)
51. **Độ lỗ độ lỗ bát la xá sa dã, bát la xá sa dã** (DHURU DHURU PRA’SASAYA PRA’SASAYA)
52. **Kỳ lệ kỳ lệ, vĩ lệ vĩ lệ** (GIRI GIRI VIRI VIRI)
53. **Chỉ lệ chỉ lệ, mẫu lỗ mẫu lỗ** (CILI CILI MURU MURU)
54. **Tất mẫu dũu** (SAMUYU)
55. **Môn giả môn giả bà nga phộc na lệ gia** (MUÑCA MUÑCA_ BHAGAVAN ARYA)
56. **Phộc lộ chỉ đế xả phộc la** (AVALOKITE’SVARA)
57. **Lạc khất sai ma ma (Thọ trì) tát phộc tát đá phộc nan giả** (RAKṢA MAMA..... SARVA SATTVANAMCA)
58. **Tát phộc bà duệ tỳ dã** (SARVA BHAYEBHYAḤ)
59. **Độ na độ na** (DHUNA DHUNA)
60. **Vĩ độ na vĩ độ na** (VIDHUNA VIDHUNA)
61. **Độ lỗ độ lỗ nga dã** (DHURU DHURU GAYA)
62. **Nga đà dã nga đà dã** (GADAYA GADAYA)
63. **Ha la hạ la** (HÀRA HÀRA)
64. **Bát la hạ sa Bát la hạ sa** (PRAHASA PRAHASA)
65. **Vĩ đà ngật lệ xả phộc sa na** (VIDHA KLE’SĀ VĀSANA)
66. **Ma ma (Thọ trì) hạ la hạ la** (MAMA.... HÀRA HÀRA)
67. **Tăng hạ la độ lỗ trí độ lỗ trí** (SAMHĀRA DHURUṬI DHURUṬI)

68. **Ma ha man noa la chỉ la noa** (MAHÀ MAṄḌALA KÌRAᅇA)
69. **Xả đá bát la tế ca phộc bà sa** (‘SATA PRASEKA AVABHASA)
70. **Vĩ vĩ sa xả ma ca** (VIVISA’SAMAKA)
71. **Ma ha mạo đề tát đá phộc** (MAHÀ BODHISATTVA)
72. **Phộc la đà Sa phộc ha** (VARADA SVÀHÀ)

_ Thời KHOAN DIÊN thứ hai, mùa thu tháng 7, ngày lúa chín. Xem xét Kinh này xong và truyền chép chẳng thiếu. Hy vọng Bạc Hiền đời sau xét định.

Lại nhờ hai Vị Thầy thỉnh về.

KIM CƯƠNG THỪA – VÔ ĐẰNG

Hoàn chỉnh Phạn văn vào ngày 10/11/2006 :HUYỀN THANH